

Số: 185 /2022/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/4/2022 giữa:

Nguyên Đơn: Chị Tổ L; sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Đơn: Anh Phạm Ngọc T; sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 146,147 Điều 212, 213; Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2022.

XÉT THẤY

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5 /2022 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Chị Tổ L và anh Phạm Ngọc T.

2. Sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí T tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2 Về con chung:

Khi ly hôn, chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hà L, sinh ngày 16/7/2017 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Khánh D 09/8/2009 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T, chị L có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thoả T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 nhà xây cấp 4, 01 tầng, mái đổ bê tông diện tích 150m², khi ly hôn chị xin tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền sử dụng đất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị L tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0001110 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

NƠI NHẬN

- *VKSND TPTN;*
- *VKSND tỉnh TN;*
- *Chi cục THATPTN;*
- *TAND tỉnh TN;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Xuân Cẩm, huyện*
Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang
TPTN;
- *Lưu HS; BP.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà

